



DỰ KIẾN - DANH MỤC NGÀNH TUYỂN SINH, TỔ HỢP XÉT TUYỂN VÀ NGƯỠNG ĐIỂM NỘP HỒ SƠ XÉT THEO KẾT QUẢ HỌC TẬP 6 HỌC KỲ DÀNH CHO TRƯỜNG THPT CHƯA KÝ KẾT- 2023

Lưu ý: Vẽ HHMT là môn Vẽ hình họa mỹ thuật; NKTDĐT là môn năng khiếu thể dục thể thao; thí sinh dự thi kỳ thi do TDTU tổ chức để đủ điểm xét

STT	Mã ngành	Tên ngành	Xét tuyển theo Kết quả học tập THPT 06HK			
			Tổ hợp xét tuyển (môn*2 là môn nhân hệ số 2)	Điều kiện ĐTB 6HK từng môn trong tổ hợp	Điều kiện môn học	Ngưỡng điểm nộp hồ sơ
CHƯƠNG TRÌNH TIÊU CHUẨN						
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	Toán, Văn, Anh*2	≥ 6,00	Anh ≥ 7,00	30
2	7310630	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và lễ hành)	Văn*2, Anh, Sử	≥ 6,00	Anh ≥ 6,50	29
3	7310630Q	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và quản lý du lịch)	Văn*2, Anh, Sử	≥ 6,00	Anh ≥ 6,50	29
4	7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nguồn nhân lực)	Toán, Văn, Anh*2	≥ 7,00	Anh ≥ 7,50	30
5	7340115	Marketing	Toán, Văn, Anh*2	≥ 7,00	Anh ≥ 7,50	30
6	7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn)	Toán, Văn, Anh*2	≥ 7,00	Anh ≥ 7,50	30
7	7340120	Kinh doanh quốc tế	Toán, Văn, Anh*2	≥ 7,00	Anh ≥ 7,50	30
8	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Toán*2, Văn, Anh	≥ 6,00	Toán ≥ 6,50	29
9	7340301	Kế toán	Toán*2, Văn, Anh	≥ 6,00	Toán ≥ 6,50	29
10	7380101	Luật	Văn*2, Anh, Sử	≥ 6,00	Anh ≥ 6,50	29
11	7720201	Dược học	Toán, Anh, Hóa*2	≥ 6,50	Hóa ≥ 8,00 và Anh ≥ 7,00 và học lực lớp 12 đạt GIỎI	30
12	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Toán, Văn, Anh*2	≥ 6,00		28
13	7420201	Công nghệ sinh học	Toán, Anh, Sinh*2	≥ 6,00	Sinh ≥ 6,50	27
14	7520301	Kỹ thuật hóa học	Toán, Anh, Hóa*2	≥ 6,00	Hóa ≥ 6,50	27
15	7480101	Khoa học máy tính	Toán*2, Anh, Lý	≥ 6,00	Toán ≥ 6,50	29
16	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Toán*2, Anh, Lý	≥ 6,00	Toán ≥ 6,50	29
17	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Toán*2, Anh, Lý	≥ 6,00	Toán ≥ 6,50	29
18	7520201	Kỹ thuật điện	Toán*2, Anh, Lý	≥ 6,50		26
19	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Toán*2, Anh, Lý	≥ 6,50		26

I | Quy định ngưỡng điểm, tổ hợp xét tuyển 06 HK năm 2023 - TDTU

STT	Mã ngành	Tên ngành	Xét tuyển theo Kết quả học tập THPT 06HK			
			Tổ hợp xét tuyển (môn*2 là môn nhân hệ số 2)	Điều kiện ĐTB 6HK từng môn trong tổ hợp	Điều kiện môn học	Ngưỡng điểm nộp hồ sơ
20	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,50$		27
21	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,50$		27
22	7580201	Kỹ thuật xây dựng	Toán*2, Anh, Lý			26
23	7580101	Kiến trúc	Toán, Anh, Vẽ HHMT*2		Vẽ HHMT $\geq 6,00$	26
24	7210403	Thiết kế đồ họa	Văn, Anh, Vẽ HHMT*2		Vẽ HHMT $\geq 6,00$	26
25	7210404	Thiết kế thời trang	Văn, Anh, Vẽ HHMT*2		Vẽ HHMT $\geq 6,00$	24
26	7580108	Thiết kế nội thất	Văn, Anh, Vẽ HHMT*2		Vẽ HHMT $\geq 6,00$	25
27	7340408	Quan hệ lao động (Chuyên ngành Quản lý quan hệ lao động, Chuyên ngành Hành vi tổ chức)	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$		26
28	7810301	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện)	Toán, Văn, Anh*2			26
29	7810301G	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Golf)	Toán, Văn, Anh*2			24
30	7310301	Xã hội học	Văn*2, Anh, Sử			24
31	7760101	Công tác xã hội	Văn*2, Anh, Sử			22
32	7850201	Bảo hộ lao động	Toán*2, Anh, Sinh			22
33	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường (Chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường nước)	Toán*2, Anh, Sinh			22
34	7440301	Khoa học môi trường	Toán*2, Anh, Sinh			22
35	7460112	Toán ứng dụng	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,00$	Toán $\geq 7,00$	24
36	7460201	Thống kê	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,00$	Toán $\geq 7,00$	24
37	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	Toán*2, Anh, Lý			22
38	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Toán*2, Anh, Lý			22
CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO						
1	F7220201	Ngôn ngữ Anh - <i>Chất lượng cao</i>	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 6,00$	Anh $\geq 7,00$	26
2	F7310630Q	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và Quản lý du lịch) - <i>Chất lượng cao</i>	Văn*2, Anh, Sử	$\geq 6,00$	Anh $\geq 6,50$	25
3	F7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: <i>Quản trị</i>)	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 7,00$	Anh $\geq 7,50$	28

STT	Mã ngành	Tên ngành	Xét tuyển theo Kết quả học tập THPT 06HK			
			Tổ hợp xét tuyển (môn*2 là môn nhân hệ số 2)	Điều kiện ĐTB 6HK từng môn trong tổ hợp	Điều kiện môn học	Ngưỡng điểm nộp hồ sơ
		<i>nguồn nhân lực) - Chất lượng cao</i>				
4	F7340115	Marketing - <i>Chất lượng cao</i>	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 6,50$	Anh $\geq 7,50$	28
5	F7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chất lượng cao</i>	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 6,50$	Anh $\geq 7,50$	28
6	F7340120	Kinh doanh quốc tế - <i>Chất lượng cao</i>	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 7,00$	Anh $\geq 7,50$	28
7	F7340201	Tài chính - Ngân hàng - <i>Chất lượng cao</i>	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$	25
8	F7340301	Kế toán - <i>Chất lượng cao</i>	Toán, Văn, Anh*2	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$	25
9	F7380101	Luật - <i>Chất lượng cao</i>	Văn*2, Anh, Sử	$\geq 6,00$	Anh $\geq 6,50$	25
10	F7420201	Công nghệ sinh học - <i>Chất lượng cao</i>	Toán, Anh, Sinh*2	$\geq 6,00$	Sinh $\geq 6,50$	25
11	F7480101	Khoa học máy tính - <i>Chất lượng cao</i>	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$	25
12	F7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chất lượng cao</i>	Toán*2, Anh, Lý	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$	25
13	F7520201	Kỹ thuật điện - <i>Chất lượng cao</i>	Toán*2, Anh, Lý		Toán $\geq 6,50$	24
14	F7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông - <i>Chất lượng cao</i>	Toán*2, Anh, Lý		Toán $\geq 6,50$	24
15	F7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chất lượng cao</i>	Toán*2, Anh, Lý		Toán $\geq 6,50$	25
16	F7580201	Kỹ thuật xây dựng - <i>Chất lượng cao</i>	Toán*2, Anh, Lý			24
17	F7210403	Thiết kế đồ họa - <i>Chất lượng cao</i>	Văn, Anh, Vẽ HHMT*2		Vẽ HHMT $\geq 6,00$	25
18	F7580101	Kiến trúc - <i>Chất lượng cao</i>	Toán, Anh, Vẽ HHMT*2		Vẽ HHMT $\geq 6,00$	25
19	F7520301	Kỹ thuật hóa học - <i>Chất lượng cao</i>	Toán, Anh, Hóa*2	$\geq 6,00$	Hóa $\geq 6,50$	25
CHƯƠNG TRÌNH HỌC TẠI PHÂN HIỆU KHÁNH HÒA						
1	N7220201	Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán, Văn, Anh*2		Anh $\geq 6,50$	22
2	N7340115	Marketing - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán, Văn, Anh*2			22
3	N7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán, Văn, Anh*2			22

STT	Mã ngành	Tên ngành	Xét tuyển theo Kết quả học tập THPT 06HK			
			Tổ hợp xét tuyển (môn*2 là môn nhân hệ số 2)	Điều kiện ĐTB 6HK từng môn trong tổ hợp	Điều kiện môn học	Ngưỡng điểm nhập hồ sơ
4	N7340301	Kế toán - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Văn, Anh			22
5	N7380101	Luật - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Văn*2, Anh, Sử		Anh \geq 6,0	22
6	N7310630	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và lễ hành) - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Văn*2, Anh, Sử			22
7	N7480103	Kỹ thuật phần mềm - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Anh, Lý			22

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC BẰNG TIẾNG ANH

a) Yêu cầu về tiếng Anh đầu vào:

- Thí sinh nước ngoài ở các nước có ngôn ngữ chính là tiếng Anh không yêu cầu Chứng chỉ tiếng Anh đầu vào quốc tế;
- Thí sinh Việt Nam và thí sinh ở các nước không có ngôn ngữ chính là tiếng Anh: phải có Chứng chỉ IELTS 5.0 trở lên hoặc tương đương (có giá trị từ ngày 01/10/2021 và còn giá trị đến ngày 01/10/2023); hoặc phải dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu khóa bằng Hệ thống đánh giá năng lực tiếng Anh theo chuẩn quốc tế của TDTU để được xác nhận đủ điều kiện tiếng Anh theo học chương trình (trừ Ngành ngôn ngữ Anh phải có chứng chỉ IELTS 5.0 hoặc tương đương)

b) Ngoại lệ:

- Nếu tiếng Anh chưa đạt các chuẩn trên, nhưng người học vẫn muốn học chương trình đại học bằng tiếng Anh thì chỉ được xét vào chương trình dự bị tiếng Anh; và phải tham gia học bổ túc tiếng Anh tại TDTU cho đến khi đạt trình độ tương đương chuẩn nói trên để được “quyết định nhập học và công nhận là sinh viên”. Thời gian bổ túc có thể từ **nửa năm đến 1 năm** tùy năng lực đầu vào qua kết quả đánh giá đầu vào xếp lớp của TDTU.
- Sau thời gian học chương trình tiếng Anh tăng cường, nếu vẫn chưa đạt chuẩn tiếng Anh IELTS 5.0 hoặc tương đương; người học có thể thôi học hoặc có thể xin chuyển sang các chương trình chất lượng cao, chương trình tiêu chuẩn (nếu vẫn bảo đảm được các tiêu chí tuyển sinh đầu vào tương ứng của các ngành/chương trình này).

Trường hợp số lượng học viên nhập học đủ điều kiện học chính thức ít hơn sĩ số tối thiểu để mở lớp, người học được tư vấn để bảo lưu kết quả tuyển sinh, hoặc chuyển qua các ngành/chương trình khác (nếu đáp ứng được tiêu chí tuyển đầu vào của ngành/chương trình đó).

TT	Mã ngành	Tên ngành	Công thức tính điểm nhập hồ sơ (ĐXT 6HK TBHK)	Điều kiện	Ngưỡng điểm nhập hồ sơ (ĐXT 6HK TBHK)
1	FA7220201	Ngôn ngữ Anh - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	ĐXT 6HK TBHK = (HK1 L10 + HK2 L10 +	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.0	26
2	FA7340115	Marketing - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	HK1 L11 + HK2 L11 + HK1 L12 + HK2		26

3	FA7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	L12)*2/3 + Điểm khuyến khích học tập (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)	hoặc tương đương.	26
4	FA7340120	Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>			26
5	FA7420201	Công nghệ sinh học - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>			22
6	FA7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>			26
7	FA7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>			26
8	FA7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>			22
9	FA7580201	Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>			22
10	FA7340301	Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>			22
11	FA7340201	Tài chính ngân hàng - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>			22
12	FA7310630Q	Việt Nam học (Chuyên ngành: Du lịch và Quản lý du lịch) - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>			22

CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ

Các thí sinh đạt được **mức điểm xét tuyển** sẽ được xét tuyển vào các chương trình học chính khóa hoặc chương trình dự bị Tiếng Anh (liên kết) tùy thuộc vào trình độ Tiếng Anh đầu vào của mình như sau:

1. Thí sinh đạt điểm xét tuyển do Hội đồng tuyển sinh quyết định và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS 5.5 (*có giá trị từ ngày 01/10/2021 và còn giá trị đến 01/10/2023*) sẽ đủ điều kiện xét công nhận **trúng tuyển chính thức vào chương trình chính khóa**.

2. Thí sinh đạt điểm xét tuyển do Hội đồng tuyển sinh quyết định nhưng **không có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định** phải đăng ký dự thi kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh do TDTU tổ chức (xem thông báo tổ chức thi tại website: <https://admission.tdtu.edu.vn>). Sau khi tham dự kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh do TDTU tổ chức:

- Thí sinh có kết quả bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh đạt trình độ tương đương từ B2 trở lên sẽ được **xét công nhận trúng tuyển chính thức vào chương trình chính khóa**;
- Thí sinh có kết quả bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh **chưa đạt trình độ B2** sẽ phải học chương trình dự bị Tiếng Anh (liên kết) trong ít nhất 01 học kỳ theo trình độ thực tế của thí sinh (**xem thêm qui định về chương trình dự bị Tiếng Anh (liên kết)**);
- Trường hợp thí sinh không tham dự kì thi đánh giá năng lực tiếng Anh, sẽ phải học chương trình dự bị Tiếng Anh (liên kết) ở trình độ thấp nhất.
- Thời gian tối đa của chương trình Tiếng Anh là 2 năm. Sau 02 năm kể từ thời điểm thí sinh nhập học vào chương trình dự bị Tiếng Anh (liên kết), nếu thí sinh vẫn không đạt điều kiện tiếng Anh trình độ tương đương

B2 thi sẽ phải thôi học hoặc được xem xét chuyển sang chương trình khác nếu có điều kiện xét tuyển tương đương với điểm tuyển sinh đầu vào của chương trình muốn chuyển tại cùng thời điểm xét tuyển.					
1	K7340101	Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) – Chương trình liên kết Đại học kinh tế Praha (Cộng Hòa Séc).	ĐXT 6HK TBHK = (HK1 L10 + HK2 L10 + HK1 L11 + HK2 L11 + HK1 L12 + HK2 L12)*2/3 + Điểm khuyến khích học tập (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS hoặc tương đương.	24
2	K7340101N	Quản trị nhà hàng khách sạn (song bằng 2,5+1,5) – Chương trình liên kết Đại học Taylor's (Malaysia).			24
3	K7340201	Tài chính (song bằng 2+2) – Chương trình liên kết Đại học Feng Chia (Đài Loan).			22
4	K7340201X	Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1) - Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan).			22
5	K7340301	Kế toán (song bằng 3+1) – Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương Quốc Anh).			22
6	K7520201	Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2,5+1,5) – Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan).			22
7	K7580201	Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc).			22
8	K7480101L	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) – Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc).			24
9	K7340120L	Kinh doanh quốc tế (Song bằng 3 +1) – Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc).			24
10	K7340120	Quản trị kinh doanh quốc tế (đơn bằng 3+1) - Chương trình liên kết Đại học khoa học và công nghệ Lunghwa (Đài Loan).			22
11	K7480101T	Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc)			22

Lưu ý công thức tính điểm:

+ **Điểm trung bình 6 học kỳ của môn học** (làm tròn đến 2 chữ số thập phân):

$$\text{ĐTB 06HK mh} = (\text{ĐTBmh HK1} + \text{ĐTBmh HK2} + \text{ĐTBmh HK3} + \text{ĐTBmh HK4} + \text{ĐTBmh HK5} + \text{ĐTBmh HK6})/6$$

+ **Điểm xét tuyển 6 học kỳ theo tổ hợp môn (ĐXT 6HK THM):** là Tổng điểm trung bình 5 học kỳ*4/5 (quy về thang điểm 40) cộng với điểm ưu tiên theo trường THPT và cộng Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực, điểm khuyến khích học tập (hệ số trường THPT, thành tích học sinh

giỏi). Điểm này dùng để xét tuyển cho chương trình đại học bằng tiếng Anh, chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

$$\text{ĐXT 6HK THM} = \text{ĐTB 6HK mh1} + \text{ĐTB 6HK mh2} + \text{ĐTB 6HK mh3} * 2 + \text{Điểm khuyến khích học tập (nếu có)} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

+ **Điểm xét tuyển 6 học kỳ theo điểm trung bình học kỳ (ĐXT 6HK TBHK):** là Tổng điểm trung bình 5 học kỳ*4/5 (quy về thang điểm 40) cộng Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực, điểm khuyến khích học tập (*hệ số trường THPT, thành tích học sinh giỏi*). Điểm này dùng để xét tuyển cho chương trình đại học bằng tiếng Anh, chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

$$\text{ĐXT 6HK TBHK} = (\text{ĐTB HK1 L10} + \text{ĐTB HK2 L10} + \text{ĐTB HK1 L11} + \text{ĐTB HK2 L11} + \text{ĐTB HK1 L12} + \text{ĐTB HK2 L12}) * 2/3 + \text{Điểm khuyến khích học tập (nếu có)} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

+ Thang điểm xét tuyển là thang 40 điểm, làm tròn đến 02 chữ số thập phân;

+ Trong đó, Điểm hệ số trường THPT do TDTU qui định (trường chuyên/năng khiếu được cộng 2,0; trường trọng điểm được cộng 1,0);

+ Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (quy về thang điểm 40) bằng 4/3 lần điểm ưu tiên theo qui định của Bộ GD&ĐT, điểm khuyến khích học tập được quy định tại bảng sau. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 30,0 (thang 40) trở lên được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên (thang 40)} = [(40 - \text{Tổng điểm đạt được})/10] \times \text{Mức điểm ưu tiên khu vực, đối tượng.}$$

Bảng quy định điểm ưu tiên, điểm khuyến khích học tập

Đối tượng	Điểm cộng thang 30	Điểm cộng thang 40	Lưu ý
1. Khu vực ưu tiên			- Điểm cộng hệ số trường THPT và Điểm ưu tiên thành tích học sinh giỏi mục 4,5,6,7 chỉ dành cho Phương thức 1 và 3. - Thí sinh có thành tích thuộc cả nội dung 4 và 5 chỉ được cộng một điểm cộng ưu tiên cao nhất. - Điểm cộng mục 4, 5, 6 được xét cộng cho các ngành xét tuyển theo từng môn/lĩnh vực dự thi của thí sinh quy định trong phụ lục đính kèm
KV 1	0.75	1	
KV 2NT	0.5	0.67	
KV 2	0.25	0.33	
KV 3	0	0	
2. Đối tượng ưu tiên			
01	2	2.67	
02	2	2.67	
03	2	2.67	
04	2	2.67	
05	1	1.33	
06	1	1.33	
07	1	1.33	
3. Hệ số trường THPT (α)			
Trường chuyên		2	
Trường Trọng điểm		1	
Trường thường		0	
4. Giải HSG Quốc gia			
01		1.5	
02		1.25	

Đối tượng	Điểm cộng thang 30	Điểm cộng thang 40	Lưu ý
03		1	
04/KK		0.75	
5. Giải HSG tỉnh/TP			
01		0.75	
02		0.5	
03		0.25	
6. Giải KHKT Quốc gia			
01		1.5	
02		1.25	
03		1	
04/KK		0.75	
7. HSG 3 năm THPT - Xét 5HK: Học lực cả năm lớp 10, 11, HK1 L12 - Xét 6HK: Học lực cả năm lớp 10, 11, 12		0.25	

Thí dụ 1: Điểm xét tuyển 6 học kỳ theo điểm trung bình học kỳ.

ĐTB HK1 Lớp 10	ĐTB HK2 Lớp 10	ĐTB HK1 Lớp 11	ĐTB HK2 Lớp 11	ĐTB HK1 Lớp 12	ĐTB HK2 Lớp 12
8,0	8,2	7,9	7,8	7,0	8,0
$\text{ĐXT 6HK TBHK} = (8,0 + 8,2 + 7,9 + 7,8 + 7,0 + 8,0) * 2/3 + \text{Điểm khuyến khích học tập (nếu có)} + \text{Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có)}$					

Thí dụ 2: Điểm xét tuyển 6 học kỳ theo tổ hợp môn với tổ hợp xét tuyển là Toán, Văn, Anh*2

Môn	ĐTBmh HK1 Lớp 10	ĐTBmh HK2 Lớp 10	ĐTBmh HK1 Lớp 11	ĐTBmh HK2 Lớp 11	ĐTBmh HK1 Lớp 12	ĐTBmh HK2 Lớp 12	ĐTB- 06HK
Toán	7,8	7,9	7,9	8,0	8,1	8,3	8,00
Văn	7,0	7,3	7,4	7,5	7,6	7,8	7,43
Anh (hệ số 2)	8,0	8,3	7,9	8,0	8,3	8,4	8,15
$\text{ĐTB 06HK Toán} = (7,8+7,9+7,9+8,0+8,1+8,3)/6 = 8,00$; tương tự tính các môn Văn, Anh. $\text{ĐXT 06HK THM} = 8,00 + 7,43 + 8,15*2 + \text{Điểm khuyến khích học tập (nếu có)} + \text{Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có)}$							